CƠ CHẾ PHÁP LÝ ĐẶC THÙ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TẠI CÁC TRUNG TÂM TRI THỨC VÀ ĐÔ THỊ LỚN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN LÊ DÂN
Viện Nhà nước và Pháp luật

Nhận bài ngày 03/10/2026. Sửa chữa xong 28/10/2026. Duyệt đăng 04/11/2026.

Abstract

Artificial intelligence (AI) is becoming a foundational technology of the digital economy and a key driver of innovation. In this context, establishing appropriate legal mechanisms in major knowledge centers and urban areas is particularly important, as these areas concentrate human resources, research institutions, technology enterprises, and digital infrastructure. This article examines the theoretical foundations, practical context, and key issues related to legal mechanisms for promoting AI development and innovation. On this basis, it proposes legal reforms focusing on decentralization and delegation of authority, controlled experimentation, data utilization, computing infrastructure development, financial mechanism reform, and human resource development. These measures are intended to gradually establish legal environments conducive to innovation, thereby facilitating the testing and scaling up of appropriate models nationwide.

Keywords: *Artificial intelligence; digital economy; innovation; knowledge centers; major urban areas; specific legal mechanisms.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hiện nay, trí tuệ nhân tạo (AI) đang mở ra những phương thức mới trong khai thác tri thức, phát triển sản phẩm, cung cấp dịch vụ và hình thành các mô hình kinh doanh mới. Chính vì lý do đó, phát triển AI gắn với đổi mới sáng tạo đang trở thành một trong những động lực quan trọng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của mỗi quốc gia trong nền kinh tế số. Ở Việt Nam, chủ trương đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đang đặt ra những yêu cầu mới đối với quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế; trong đó có việc phát huy vai trò của các trung tâm tri thức và đô thị lớn, bởi đây là những địa bàn có khả năng tập trung, kết nối và huy động các nguồn lực phục vụ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ. Tuy nhiên, để khai thác hiệu quả những lợi thế này, bên cạnh các chính sách phát triển chung, cần có cách tiếp cận pháp lý phù hợp với đặc điểm, năng lực và nhu cầu đổi mới sáng tạo của từng khu vực, từng địa phương, từng địa bàn.

Từ thực tiễn như vậy, đặt ra yêu cầu cho chúng ta cần phải nghiên cứu có hệ thống về cơ chế pháp lý đặc thù nhằm thúc đẩy phát triển AI và đổi mới sáng tạo tại các trung tâm tri thức và đô thị lớn ở Việt Nam, qua đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật theo hướng linh hoạt, thích ứng, khuyến khích thử nghiệm và đổi mới sáng tạo, đồng thời bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước và lợi ích công cộng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Sự cần thiết xây dựng cơ chế pháp lý đặc thù thúc đẩy phát triển trí tuệ nhân tạo và đổi mới sáng tạo tại các trung tâm tri thức, đô thị lớn

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở thành một trong những công nghệ nền tảng của nền kinh tế số, tác động sâu rộng đến phương thức sản xuất, kinh doanh, quản trị xã hội và cung ứng dịch vụ công. Sự

Email: ledan12a4@gmail.com

phát triển nhanh chóng của AI không chỉ tạo ra những cơ hội mới đối với tăng trưởng kinh tế và đổi mới sáng tạo mà còn đặt ra nhiều vấn đề pháp lý mới liên quan đến dữ liệu, quyền riêng tư, sở hữu trí tuệ, trách nhiệm của chủ thể phát triển và sử dụng AI, an toàn thông tin và quản trị rủi ro công nghệ. Do đó, hoàn thiện thể chế pháp lý được xác định là một trong những điều kiện quan trọng để thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Ban Chấp hành Trung ương, 2024).

Đối với Việt Nam, yêu cầu này càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh AI được xác định là một trong những công nghệ chiến lược cần ưu tiên phát triển. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đã nhấn mạnh yêu cầu tạo đột phá về thể chế, coi thể chế là yếu tố quyết định trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời đặt ra yêu cầu hoàn thiện cơ chế, chính sách theo hướng khuyến khích đổi mới, chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu và phát triển, tăng cường phân cấp, phân quyền và tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể đổi mới sáng tạo. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để chuyển từ tư duy quản lý công nghệ theo hướng kiểm soát trước sang xây dựng môi trường pháp lý có khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ.

Trong cấu trúc phát triển AI và đổi mới sáng tạo, các trung tâm tri thức và đô thị lớn giữ vị trí đặc biệt. Đây thường là nơi tập trung các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao, hệ thống hạ tầng số, nguồn vốn đầu tư và các thiết chế hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Sự tập trung về nguồn lực tạo điều kiện hình thành hệ sinh thái AI có tính liên kết cao, đồng thời cũng khiến các vấn đề pháp lý mới phát sinh sớm và đa dạng hơn so với nhiều địa bàn khác. Vì vậy, việc áp dụng một mô hình pháp lý hoàn toàn đồng nhất trên phạm vi cả nước có thể chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển của những địa bàn có năng lực đổi mới sáng tạo và điều kiện hạ tầng khác biệt.

Về phương diện lý luận, cơ chế pháp lý đặc thù có thể được hiểu là tổng thể các quy định, chính sách và thiết chế được thiết kế với phạm vi, điều kiện và phương thức áp dụng riêng nhằm giải quyết những yêu cầu phát triển đặc thù của một địa bàn, lĩnh vực hoặc nhóm đối tượng nhất định. Đối với AI và đổi mới sáng tạo, tính đặc thù không nên chỉ được xác định theo địa giới hành chính mà cần dựa trên năng lực nghiên cứu, mức độ tập trung nguồn lực, hạ tầng công nghệ, khả năng tiếp nhận và kiểm soát rủi ro công nghệ cũng như năng lực quản trị của từng địa bàn. Theo đó, cơ chế pháp lý đặc thù phải hướng tới việc tạo thêm không gian cho thử nghiệm, sáng tạo và thương mại hóa công nghệ, đồng thời duy trì các giới hạn cần thiết để bảo vệ lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Thực tiễn thể chế ở Việt Nam những năm gần đây đã bước đầu hình thành cơ sở pháp lý cho cách tiếp cận này. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Dữ liệu năm 2024, Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 và Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 tạo nên những nền tảng pháp lý quan trọng cho phát triển các công nghệ mới, khai thác dữ liệu và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, sự hình thành của khung pháp luật mới cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục giải quyết mối quan hệ giữa tính thống nhất của pháp luật quốc gia và nhu cầu thử nghiệm các mô hình thể chế mới tại những trung tâm có năng lực đổi mới sáng tạo cao. Nếu cơ chế pháp lý quá cứng nhắc, hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và thương mại hóa AI có thể bị hạn chế; ngược lại, nếu mở rộng không gian thử nghiệm mà thiếu giới hạn về phạm vi, thời hạn, trách nhiệm và cơ chế giám sát thì có thể phát sinh những rủi ro mới đối với quyền con người, dữ liệu, an ninh và trật tự xã hội (Lê Phúc & Trần Dương, 2025).

Từ những vấn đề trên, việc nghiên cứu cơ chế pháp lý đặc thù thúc đẩy phát triển AI và đổi mới sáng tạo tại các trung tâm tri thức và đô thị lớn ở Việt Nam không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn đáp ứng yêu cầu thực tiễn của quá trình hoàn thiện thể chế trong kỷ nguyên số. Vấn đề đặt ra là cần xác định những lĩnh vực nào cần có cơ chế đặc thù, mức độ đặc thù đến đâu, chủ thể nào được trao quyền thử nghiệm, cơ chế kiểm soát rủi ro như thế nào và bằng cách nào có thể chuyển hóa những kết quả thử nghiệm thành chính sách, pháp luật áp dụng rộng rãi. Đây cũng là cơ sở để hình thành cách tiếp cận "không gian pháp lý đổi mới sáng tạo", trong đó một số trung tâm tri thức và đô thị lớn được trao điều kiện pháp lý phù hợp để thử nghiệm, đánh giá và hoàn thiện các mô hình phát triển AI trước khi nhân rộng trên phạm vi quốc gia.

2.2. Thực trạng cơ chế pháp lý thúc đẩy phát triển trí tuệ nhân tạo và đổi mới sáng tạo tại các trung tâm tri thức và đô thị lớn ở Việt Nam

2.2.1. Cơ chế, chính sách pháp luật về phát triển trí tuệ nhân tạo và đổi mới sáng tạo

Trong thời gian qua, Việt Nam đã có bước chuyển đáng kể trong nhận thức và xây dựng thể chế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị xác định thể chế là điều kiện tiên quyết, cần được hoàn thiện và đi trước một bước; đồng thời yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm quản lý, vừa khuyến khích đổi mới sáng tạo, khắc phục tư duy "không quản được thì cấm" (Ban Chấp hành Trung ương, 2024). Theo đó, pháp luật về trí tuệ nhân tạo (AI) không chỉ kiểm soát rủi ro mà còn phải tạo môi trường thuận lợi cho nghiên cứu, thử nghiệm và thương mại hóa công nghệ.

Trên phương diện lập pháp, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025 đã mở rộng cách tiếp cận từ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sang thúc đẩy toàn bộ chu trình đổi mới sáng tạo, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Cùng với đó, Luật Công nghiệp công nghệ số 2025 đã tạo cơ sở pháp lý cho sự phát triển của công nghiệp công nghệ số như một ngành kinh tế. Đặc biệt, Luật Trí tuệ nhân tạo 2025 đánh dấu bước chuyển sang xây dựng khung pháp luật chuyên ngành về phát triển, nghiên cứu, ứng dụng và quản trị AI. Những đạo luật này tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho phát triển AI, nhất là tại các đô thị lớn, nơi tập trung doanh nghiệp công nghệ, trường đại học, viện nghiên cứu và thị trường số. Tuy nhiên, khung pháp luật thống nhất trên phạm vi quốc gia chưa thể giải quyết đầy đủ sự khác biệt về hạ tầng, dữ liệu, nhân lực và năng lực đổi mới sáng tạo giữa các địa phương.

Thực tế, các quy định liên quan đến AI, dữ liệu, công nghệ số, sở hữu trí tuệ, đầu tư, ngân sách, đấu thầu và bảo vệ quyền riêng tư còn phân tán trong nhiều văn bản. Thiếu cơ chế liên thông có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ của doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu, đồng thời hạn chế khả năng chủ động của chính quyền địa phương (Nguyễn Thị Hảo & Nguyễn Văn Trọng, 2025). Bên cạnh đó, tốc độ phát triển nhanh của AI tạo sinh, mô hình ngôn ngữ lớn, AI tác nhân và các công nghệ mới khiến pháp luật có nguy cơ lạc hậu ngay khi được ban hành. Điều này đòi hỏi chuyển từ phương thức điều chỉnh dựa trên việc xác định trước từng công nghệ, hành vi sang cách tiếp cận linh hoạt, dựa trên nguyên tắc, mức độ rủi ro và khả năng thích ứng.

2.2.2. Cơ chế đặc thù đối với các đô thị lớn và trung tâm khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

Một trong những thay đổi đáng chú ý trong tư duy xây dựng thể chế thời gian qua là việc pháp luật Việt Nam ngày càng sử dụng cơ chế đặc thù như một công cụ để phát huy lợi thế của các đô thị lớn. Luật Thủ đô 2024 là một ví dụ tiêu biểu. Luật không chỉ điều chỉnh tổ chức chính quyền đô thị mà còn thiết lập nhiều cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện để Hà Nội phát huy vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cả nước (Thu Hạnh, 2026). Luật Thủ đô tiếp cận việc phát triển Hà Nội theo hướng trao thêm không gian chính sách và thẩm quyền cho Thành phố trong một số lĩnh vực. Điều này có ý nghĩa đối với nghiên cứu về AI và đổi mới sáng tạo bởi Hà Nội có sự tập trung cao về trường đại học, viện nghiên cứu, nhân lực khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ và các cơ quan trung ương. Nếu được kết nối thông qua cơ chế pháp lý phù hợp, lợi thế tập trung này có thể tạo ra hiệu ứng lan tỏa lớn đối với năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia.

Đối với Thành phố Hồ Chí Minh, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Việc trao cho Thành phố một số cơ chế đặc thù về tổ chức, tài chính, đầu tư và phát triển đã tạo tiền đề cho việc thử nghiệm các phương thức quản trị mới. Đặc biệt, với vị trí là trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước, tập trung nhiều doanh nghiệp công nghệ, cơ sở giáo dục, nhà đầu tư và thị trường dịch vụ số, Thành phố Hồ Chí Minh có điều kiện để trở thành một không gian thử nghiệm quan trọng đối với các mô hình kinh doanh và công nghệ mới (Biển Quốc Thắng, 2024).

Đối với Đà Nẵng, Nghị quyết số 136/2024/QH15 của Quốc hội về tổ chức chính quyền (Thuỵ Vũ,

2026) đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng có hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Cùng với những lợi thế về hạ tầng số, quy mô đô thị và định hướng phát triển công nghệ cao, các cơ chế đặc thù tạo thêm điều kiện để Đà Nẵng phát triển theo mô hình đô thị đổi mới sáng tạo, trung tâm công nghệ và dịch vụ số (Quốc Dũng, 2024).

Mặc dù các cơ chế pháp lý đặc thù bước đầu giúp các đô thị lớn chủ động huy động nguồn lực và phát triển, nhưng chúng vẫn chưa tạo thành một mô hình hoàn chỉnh cho trí tuệ nhân tạo (AI) và đổi mới sáng tạo. Nguyên nhân là do các chính sách hiện còn mang tính rời rạc theo địa phương, chưa thích ứng với chuỗi giá trị AI xuyên biên giới hành chính, đồng thời quyền chủ động bị hạn chế bởi thẩm quyền phân tán ở nhiều cấp, nhiều ngành về dữ liệu, ngân sách, đầu tư và sở hữu trí tuệ. Đặc biệt, việc thiếu một quy trình thống nhất cho các gói chính sách thử nghiệm liên ngành khiến mô hình sandbox còn đơn lẻ và chưa phát huy đầy đủ vai trò thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

2.2.3. Cơ chế pháp lý về nguồn lực cho phát triển AI và đổi mới sáng tạo

Việc phát triển AI đòi hỏi sự hội tụ của nhiều nguồn lực (tài chính, dữ liệu, hạ tầng, nhân lực và thị trường), do đó hiệu quả pháp lý phải được đo lường bằng khả năng chuyển hóa thành năng lực đổi mới sáng tạo thực tế thay vì chỉ đếm số lượng văn bản. Tuy nhiên, điểm nghẽn lớn hiện nay là sự xung đột giữa cơ chế quản lý ngân sách công truyền thống – vốn đòi hỏi tính minh bạch, chặt chẽ và tuân thủ định mức – với đặc thù chấp nhận rủi ro và thay đổi nhanh của hoạt động đổi mới sáng tạo. Do đó, để tháo gỡ nút thắt tài chính, cấp thiết phải thiết kế một cơ chế kiểm soát tách bạch rõ ràng giữa "rủi ro do đổi mới sáng tạo" và "sai phạm trong quản lý, sử dụng nguồn lực công".

Về dữ liệu, trong nền kinh tế AI, dữ liệu đồng thời là một loại tài nguyên có khả năng tạo ra giá trị kinh tế. Do đó, pháp luật cần giải quyết đồng thời hai yêu cầu tưởng như đối lập: mở rộng khả năng khai thác dữ liệu và bảo đảm quyền riêng tư, an toàn dữ liệu, an ninh quốc gia và quyền sở hữu trí tuệ. Hạn chế hiện nay là khả năng tiếp cận dữ liệu phục vụ nghiên cứu và đổi mới sáng tạo vẫn chưa đồng đều. Nhiều cơ sở dữ liệu được hình thành và quản lý bởi các cơ quan khác nhau, với những yêu cầu khác nhau về điều kiện khai thác. Đối với các trung tâm tri thức, vấn đề không chỉ là có dữ liệu mà còn là khả năng liên thông, chuẩn hóa và sử dụng dữ liệu trong môi trường nghiên cứu. Nếu mỗi cơ quan hoặc doanh nghiệp xây dựng dữ liệu theo tiêu chuẩn riêng, chi phí tích hợp và làm sạch dữ liệu sẽ rất lớn, làm giảm lợi thế của các trung tâm nghiên cứu AI.

Về nhân lực, cơ chế thu hút nhân lực AI chất lượng cao hiện vẫn phải cạnh tranh với thị trường quốc tế và khu vực tư nhân. Các trung tâm tri thức có thể có nhiều trường đại học và viện nghiên cứu nhưng nếu thiếu cơ chế đãi ngộ, quyền tự chủ nghiên cứu, cơ hội thương mại hóa kết quả và môi trường thử nghiệm thì khó giữ chân nhân lực chất lượng cao. Vấn đề này cho thấy chính sách nhân tài không thể chỉ tập trung vào tiền lương mà cần được thiết kế thành một gói thể chế bao gồm quyền tự chủ, điều kiện nghiên cứu, quyền đối với kết quả nghiên cứu, cơ hội khởi nghiệp và khả năng tham gia các dự án lớn.

Về hạ tầng, đối với AI, hạ tầng không chỉ bao gồm mạng viễn thông hoặc trung tâm dữ liệu mà còn bao gồm năng lực tính toán, các hệ thống điện toán hiệu năng cao, dữ liệu chất lượng cao và môi trường thử nghiệm. Đây là những nguồn lực đòi hỏi vốn đầu tư lớn và khả năng phối hợp giữa Nhà nước và khu vực tư nhân.

2.2.4. Cơ chế liên kết và phát triển hệ sinh thái AI, đổi mới sáng tạo

Một trong những điều kiện quyết định khả năng phát triển AI của các trung tâm tri thức là mức độ liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, trường đại học và viện nghiên cứu. Trong nền kinh tế tri thức, trường đại học và viện nghiên cứu không chỉ cung cấp nhân lực mà còn là nơi tạo ra tri thức, công nghệ và sáng chế; doanh nghiệp không chỉ là nơi tiếp nhận công nghệ mà còn là chủ thể đầu tư, thương mại hóa và xác định nhu cầu thị trường; Nhà nước có vai trò kiến tạo môi trường pháp lý, đầu tư hạ tầng và giải quyết những thất bại của thị trường.

Tuy nhiên, khoảng cách giữa nghiên cứu và thị trường vẫn là một vấn đề đáng chú ý. Một kết quả nghiên cứu AI có thể có giá trị khoa học cao nhưng chưa chắc đã trở thành sản phẩm thương mại. Ngược lại, doanh nghiệp có nhu cầu công nghệ nhưng không phải lúc nào cũng tìm được nhóm nghiên cứu có khả năng đáp ứng. Khoảng cách này một phần bắt nguồn từ cơ chế tài chính và đánh giá kết quả nghiên cứu còn thiên về sản phẩm khoa học, trong khi doanh nghiệp quan tâm nhiều hơn đến khả năng ứng dụng, quyền sở hữu trí tuệ, chi phí và thời gian đưa sản phẩm ra thị trường.

Một vấn đề khác là cơ chế sở hữu và phân chia lợi ích từ kết quả nghiên cứu có sự tham gia của nhiều chủ thể. Đối với AI, kết quả nghiên cứu có thể bao gồm mô hình, thuật toán, phần mềm, cơ sở dữ liệu, quy trình kỹ thuật và các sản phẩm kết hợp. Khi nhiều nguồn lực công và tư cùng tham gia, việc xác định quyền đối với kết quả nghiên cứu và cơ chế phân chia lợi ích cần rõ ràng ngay từ đầu. Nếu thiếu cơ chế này, các nhà khoa học có thể không có động lực thương mại hóa kết quả nghiên cứu, còn doanh nghiệp có thể không sẵn sàng đầu tư vào các dự án có rủi ro pháp lý về quyền sở hữu.

Các trung tâm tri thức và đô thị lớn vì vậy cần được nhìn nhận như những "nút" của mạng lưới đổi mới sáng tạo quốc gia, chứ không phải những không gian phát triển độc lập. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và các đô thị có hệ sinh thái đại học, nghiên cứu và công nghệ phát triển có thể đảm nhiệm vai trò trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm và thương mại hóa. Nhưng để thực hiện vai trò đó, cơ chế pháp lý cần cho phép kết nối nguồn lực giữa khu vực công và tư, giữa các cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp, cũng như giữa các địa phương (Trung tâm Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh (2025.

2.3. Yêu cầu và giải pháp hoàn thiện cơ chế pháp lý đặc thù thúc đẩy phát triển trí tuệ nhân tạo và đổi mới sáng tạo

2.3.1. Xây dựng cơ chế phân quyền linh hoạt gắn với năng lực đổi mới sáng tạo

Sự phát triển nhanh của trí tuệ nhân tạo (AI) đòi hỏi pháp luật phải có khả năng phản ứng kịp thời trước những thay đổi công nghệ. Vì vậy, cần tăng cường phân cấp, phân quyền cho các trung tâm tri thức và đô thị lớn trong lựa chọn lĩnh vực công nghệ ưu tiên, đặt hàng nghiên cứu, tổ chức thử nghiệm, huy động nguồn lực và kết nối các chủ thể đổi mới sáng tạo.

Việc phân quyền cần gắn với năng lực thực tế của từng địa phương, bảo đảm quyền hạn tương xứng với trách nhiệm và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia về an toàn, quyền con người, dữ liệu và cạnh tranh. Theo đó, có thể nghiên cứu mô hình thể chế phân tầng: địa phương áp dụng pháp luật chung; địa phương có hệ sinh thái đổi mới sáng tạo phát triển được trao thêm quyền thử nghiệm; các trung tâm tri thức có năng lực đặc biệt được triển khai chương trình thử nghiệm liên ngành theo cơ chế được cấp có thẩm quyền cho phép. Cách tiếp cận này vừa phát huy tính chủ động của địa phương, vừa tránh áp dụng cơ chế đặc thù một cách dàn trải.

2.3.2. Thiết lập cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với AI và công nghệ mới

Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) cần trở thành công cụ quan trọng để kiểm nghiệm chính sách, công nghệ và mô hình kinh doanh mới trong phạm vi, thời gian xác định. Đối với AI, cần ưu tiên các lĩnh vực như y tế, giáo dục, giao thông thông minh, sản xuất, logistics, tài chính và dịch vụ công; đồng thời áp dụng yêu cầu thử nghiệm tương ứng với mức độ rủi ro.

Để giảm chi phí tuân thủ, có thể thiết lập cơ chế "một cửa về thử nghiệm công nghệ" tại các trung tâm tri thức, làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ và phối hợp giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành. Quy trình thử nghiệm phải xác định rõ điều kiện tham gia, tiêu chuẩn an toàn, trách nhiệm của các chủ thể, cơ chế giám sát và phương thức đánh giá kết quả để quyết định nhân rộng hoặc chấm dứt. Việc tham gia sandbox không đồng nghĩa với miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại phát sinh.

2.3.3. Hoàn thiện cơ chế khai thác dữ liệu và phát triển hạ tầng tính toán

Dữ liệu và năng lực tính toán là những điều kiện nền tảng của hệ sinh thái AI. Vì vậy, cần chuyển từ tư duy quản lý dữ liệu đơn thuần sang quản trị và khai thác giá trị dữ liệu có trách nhiệm, tạo điều kiện

cho các cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp đủ điều kiện tiếp cận dữ liệu phục vụ đổi mới sáng tạo. Có thể nghiên cứu xây dựng "không gian dữ liệu nghiên cứu" tại các trung tâm tri thức, trong đó dữ liệu được phân loại theo mức độ nhạy cảm và cấp quyền truy cập theo mục đích, thời hạn, chủ thể sử dụng. Việc khai thác phải gắn với yêu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh và quyền lợi hợp pháp của các bên. Đồng thời, cần phát triển các trung tâm tính toán, phòng thí nghiệm AI và hạ tầng nghiên cứu dùng chung, tạo cơ chế kết nối nguồn lực công với nguồn lực tư nhân trên cơ sở công khai, minh bạch và hiệu quả.

2.3.4. Đổi mới cơ chế tài chính, đầu tư và thương mại hóa kết quả nghiên cứu

Một điểm nghẽn của đổi mới sáng tạo là khoảng cách giữa nghiên cứu và thương mại hóa. Do đó, cơ chế tài chính cho AI cần chuyển từ hỗ trợ từng dự án sang hỗ trợ chuỗi giá trị đổi mới sáng tạo, đồng thời tăng tính linh hoạt đối với hoạt động nghiên cứu có rủi ro cao. Việc đánh giá nhiệm vụ nghiên cứu cần chú trọng tính hợp pháp, minh bạch và chất lượng chuyên môn của quá trình thực hiện, phân biệt thất bại khoa học với vi phạm trong sử dụng nguồn lực. Nhà nước nên ưu tiên đầu tư nghiên cứu nền tảng, dữ liệu, hạ tầng tính toán và đào tạo nhân lực; khu vực tư nhân phát huy vai trò trong phát triển sản phẩm và mở rộng thị trường. Bên cạnh đó, cần thúc đẩy đầu tư công – tư, hoàn thiện cơ chế thương mại hóa kết quả nghiên cứu và nghiên cứu áp dụng mua sắm công đổi mới sáng tạo, qua đó tạo thị trường ban đầu cho các sản phẩm AI trong nước.

2.3.5. Thu hút nhân tài và thúc đẩy liên kết hệ sinh thái AI

Phát triển AI đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao cùng cơ chế liên kết hiệu quả giữa Nhà nước, doanh nghiệp, trường đại học và viện nghiên cứu. Các trung tâm tri thức cần được chủ động tuyển dụng, thu hút chuyên gia trong và ngoài nước, tổ chức nhóm nghiên cứu theo dự án, đồng thời tạo điều kiện để nhà khoa học tham gia doanh nghiệp khởi nghiệp và thương mại hóa kết quả nghiên cứu (Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ, 2026). Cùng với đó, cần hoàn thiện cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, phát triển các chương trình nghiên cứu chung, chia sẻ dữ liệu và hạ tầng tính toán, hỗ trợ hình thành doanh nghiệp từ kết quả nghiên cứu. Tại các đô thị lớn, có thể phát triển các cụm AI theo lĩnh vực thế mạnh như y tế, giáo dục, sản xuất, logistics và đô thị thông minh. Cách tiếp cận này giúp tập trung nguồn lực, tăng khả năng ứng dụng công nghệ và rút ngắn khoảng cách giữa nghiên cứu với thị trường.

2.3.6. Hình thành không gian pháp lý đổi mới sáng tạo tại các trung tâm tri thức và đô thị lớn

Trên cơ sở các giải pháp nêu trên, cần nghiên cứu hình thành "không gian pháp lý đổi mới sáng tạo" tại một số trung tâm tri thức và đô thị lớn. Đây không phải khu vực nằm ngoài hệ thống pháp luật quốc gia, mà là cơ chế đặc thù cho phép thử nghiệm một số chính sách, công nghệ và mô hình kinh doanh trong phạm vi, thời gian xác định, theo thẩm quyền và điều kiện được pháp luật quy định. Không gian này cần xác định rõ đối tượng tham gia, phạm vi thử nghiệm, giới hạn rủi ro, trách nhiệm pháp lý và cơ chế đánh giá. Nội dung triển khai có thể bao gồm năm hợp phần: thử nghiệm công nghệ; tiếp cận và khai thác dữ liệu có kiểm soát; tài chính và đầu tư linh hoạt; thu hút, sử dụng nhân lực chất lượng cao; liên kết và chia sẻ nguồn lực giữa cơ quan nhà nước, trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp. Việc triển khai cần gắn với cơ chế giám sát, đánh giá độc lập và tổng kết thực tiễn để điều chỉnh chính sách, nhân rộng những mô hình hiệu quả. Qua đó, không gian pháp lý đổi mới sáng tạo có thể trở thành công cụ kết nối các cơ chế đặc thù, tạo điều kiện phát triển AI phù hợp với lợi thế của từng địa phương, đồng thời cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc hoàn thiện pháp luật trên phạm vi cả nước.

3. Kết luận

Phát triển trí tuệ nhân tạo và đổi mới sáng tạo đang đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục hoàn thiện thể chế theo hướng linh hoạt, thích ứng và tạo không gian cho thử nghiệm. Đối với các trung tâm tri thức và đô thị lớn, cần xây dựng cơ chế pháp lý đặc thù dựa trên năng lực đổi mới sáng tạo của từng địa bàn, tập trung vào phân cấp, phân quyền, thử nghiệm có kiểm soát, khai thác dữ liệu, phát triển hạ tầng số, đổi mới cơ chế tài chính và thu hút nhân lực chất lượng cao. Việc hình thành các "không gian pháp lý đổi mới sáng tạo" có thể tạo điều kiện thử nghiệm các mô hình mới, kiểm soát rủi ro và đánh

giá hiệu quả trước khi nhân rộng. Qua đó, pháp luật không chỉ thực hiện chức năng quản lý mà còn trở thành động lực thúc đẩy AI, đổi mới sáng tạo và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế số Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Biền Quốc Thắng (2024). Một số giải pháp thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*. https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/01/09/mot-so-giai-phap-thuc-hien-nghi-quyet-so-98-2023-qh15-cua-quoc-hoi-ve-thi-diem-mot-so-co-che-chinh-sach-dac-thu-phat-trien-tp-ho-chi-minh/

Ban Chấp hành Trung ương (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.

Chính phủ (2025). *Nghị định số 169/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 về hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.*

Lê Phúc & Trần Dương (2025). Sự cần thiết xây dựng khung pháp lý về AI: Kinh nghiệm của các nước và một số đề xuất cho Việt Nam. *Tạp chí Pháp lý*. https://phaply.net.vn/su-can-thiet-xay-dung-khung-phap-ly-ve-ai-kinh-nghiem-cua-cac-nuoc-va-mot-so-de-xuat-cho-viet-nam-a258209.html.

Nguyễn Thị Hảo & Nguyễn Văn Trọng (2025). Quản lý nhà nước về phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*. https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/04/10/quan-ly-nha-nuoc-ve-phat-trien-va-ung-dung-tri-tue-nhan-tao-tai-viet-nam-hien-nay/.

Quốc Dũng (2024). Đà Nẵng: Tổ chức mô hình chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù. *Báo Tin tức*. https://baotintuc.vn/da-nang-to-chuc-mo-hinh-chinh-quyen-do-thi-va-thi-diem-mot-so-co-che-chinh-sach-dac-thu-post920667.html

Quốc hội (2023). *Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh*.

Quốc hội (2024). *Luật Thủ đô.* Luật số 39/2024/QH15 ngày 28/6/2024.

Quốc hội (2024). *Luật Dữ liệu.* Luật số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024.

Quốc hội (2024). *Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.*

Quốc hội (2025). *Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.* Luật số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025.

Quốc hội (2025). *Luật Trí tuệ nhân tạo*. Luật số 134/2025/QH15 ngày 10/12/2025.

Quốc hội (2025). *Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*

Thu Hạnh (2026). Luật Thủ đô 2026 đưa Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo. *Báo Tin tức*. https://baotintuc.vn/luat-thu-do-2026-dua-ha-noi-tro-thanh-trung-tam-doi-moi-sang-tao-post989872.html.

Thụy Vũ (2026). Tạo không gian tối đa cho sự sáng tạo và tự chịu trách nhiệm của chính quyền Thủ đô. *Báo Đại biểu Nhân dân*. https://daibieunhandan.vn/luat-thu-do-nam-2026-tao-khong-gian-toi-da-cho-su-sang-tao-va-tu-chiu-trach-nhiem-cua-chinh-quyen-thu-do-10416853.html.

Trung tâm Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh (2025). Thành phố Hồ Chí Minh lần đầu công bố Báo cáo hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: Nền tảng hoạch định chính sách và thu hút đầu tư. *SIHUB*. https://sihub.gov.vn/news/tphcm-lan-dau-cong-bo-bao-cao-he-sinh-thai-khoi-nghiep-doi-moi-sang-tao-nen-tang-hoach-dinh-chinh-sach-va-thu-hut-dau-tu

Trung tâm Truyền thông khoa học và công nghệ (2026). *Kết nối doanh nghiệp công nghệ chiến lược với đại học, viện nghiên cứu*. https://dangcongsan.org.vn/bokhoahoccongnghe/tin-tuc-hoat-dong/ket-noi-doanh-nghiep-cong-nghe-chien-luoc-voi-dai-hoc-vien-nghien-cuu.html.